



SMEDF

QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

SỔ TAY HƯỚNG DẪN
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

TIÊU CHÍ GẮN VỚI TĂNG TRƯỞNG XANH

LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

Sổ tay Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa về Tiêu chí gắn với tăng trưởng xanh được thực hiện bởi sự hỗ trợ của Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) thông qua Chương trình hợp tác giữa GGGI và Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2017 – 2019.

GGGI là tổ chức liên chính phủ với Việt Nam là một nước thành viên sáng lập từ năm 2012. Hoạt động của GGGI nhằm hỗ trợ việc đạt được các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, tạo việc làm xanh, tiếp cận các dịch vụ công bền vững, cải thiện chất lượng không khí, cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái, và tăng cường thích ứng với biến đổi khí hậu.



Để biết thêm thông tin chi tiết về các hoạt động của GGGI tại Việt Nam xin liên hệ:

GGGI tại Việt Nam

✉ vietnam@gggi.org

☎ +84 24 3237 3480

🌐 www.gggi.org



Để biết thêm thông tin chi tiết về cuốn sổ tay xin liên hệ:

Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF)

Phòng 301, Nhà F, Trụ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

☎ 0243.7957855 - 0243.7957897 (số máy lẻ hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp: 204 và 205)

📠 024 37512222

✉ callcenter.smedf@gmail.com
smedf1@mpi.gov.vn

🌐 www.smedf.gov.vn hoặc smedf.gov.vn

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	4
Giới thiệu chung.....	4
1. Mục tiêu của Sổ tay.....	5
2. Đối tượng sử dụng của Sổ tay.....	5
3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	5
CHƯƠNG II	6
Những điều cơ bản về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.....	6
1. Phát triển bền vững.....	7
2. Tăng trưởng xanh.....	7
3. Lợi ích của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tiếp cận với tăng trưởng xanh.....	8
CHƯƠNG III	9
Các tiêu chí hướng đến tăng trưởng xanh của một dự án, phương án sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.....	9
Phụ lục 01.....	24
Mẫu dự án, phương án SXKD gắn với tiêu chí xanh, phát triển bền vững trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.....	24

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG

1. MỤC TIÊU

Mục tiêu chung:

Hướng dẫn những nội dung cần thiết, hữu ích cho doanh nghiệp nhỏ và vừa về cách lập dự án sản xuất kinh doanh hướng đến tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

Mục tiêu cụ thể:

- Cung cấp những thông tin thiết yếu giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa nắm được những yêu cầu, tiêu chí chủ yếu để tiếp cận các nguồn hỗ trợ từ những tổ chức tài chính có chính sách hỗ trợ tài chính hướng tới tăng trưởng xanh tại Việt Nam;
- Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa xây dựng dự án, phương án sản xuất kinh doanh gắn với tiêu chí tăng trưởng xanh.

2. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Những tổ chức, cá nhân liên quan đến phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững tại Việt Nam.

3. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, thực hiện các chức năng sau đây:

- a) Cho vay, tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;
- b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

CHƯƠNG II: NHỮNG ĐIỀU CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TĂNG TRƯỞNG XANH

1. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một khái niệm nhằm định nghĩa một sự phát triển về mọi mặt trong xã hội hiện tại mà vẫn phải bảo đảm sự tiếp tục phát triển trong tương lai xa. Phát triển bền vững (PTBV) hiện đang là mục tiêu hướng tới của nhiều quốc gia trên thế giới.

Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), phát triển bền vững là một loại hình phát triển toàn diện, lồng ghép quá trình sản xuất với bảo tồn tài nguyên và nâng cao chất lượng môi trường sống. Phát triển bền vững cần phải đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không phương hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai.

2. TĂNG TRƯỞNG XANH

Tăng trưởng xanh ở Việt Nam là một nội dung quan trọng của PTBV. Tăng trưởng xanh hay xây dựng nền kinh tế xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính (KNK), ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và giảm sự mất công bằng trong xã hội.

Vậy, một doanh nghiệp như thế nào được coi là doanh nghiệp “xanh”?

Một doanh nghiệp được coi là doanh nghiệp xanh nếu cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ xanh và/hoặc có quy trình sản xuất xanh. Các sản phẩm và dịch vụ xanh là những sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng nguồn lực hiệu quả và giảm thiểu chất thải. Mặt khác, các doanh nghiệp cải tiến quy trình sản xuất để tiêu tốn ít năng lượng và chất liệu, ít lãng phí và phát thải cũng được xem là doanh nghiệp xanh. Ngoài ra, doanh nghiệp xanh còn là doanh nghiệp tạo ra một môi trường làm việc và hệ thống phúc lợi tốt cho người lao động.

Chính phủ Việt Nam đã ban hành các văn bản như Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Quyết định 1393/QĐ-TTg ngày

25/9/2012 phê duyệt Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh và Quyết định 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 phê duyệt Kế hoạch hành động Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020.

3. LỢI ÍCH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHI TIẾP CẬN VỚI TĂNG TRƯỞNG XANH

Tăng trưởng xanh cần được nhìn nhận là cơ hội mới cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa:

- Sự gia tăng suy thoái của tài nguyên thiên nhiên, và biến đổi khí hậu đang trở thành mối quan tâm trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Do đó, mối quan tâm của cộng đồng về ô nhiễm được tăng cao và nhu cầu sử dụng các sản phẩm xanh, sạch cũng tăng thêm;
- Xu hướng sử dụng sản phẩm thay đổi. Người dân ngày càng quan tâm đến các sản phẩm an toàn, thân thiện môi trường và bảo vệ môi trường. Vì vậy, muốn phát triển sản phẩm nhất thiết phải tôn trọng các yêu cầu môi trường;
- Nhu cầu về các sản phẩm hoặc dịch vụ thân thiện với môi trường và sinh thái ngày càng tăng và do vậy, thị trường đang phát triển theo hướng mở rộng cả về phạm vi và về cơ hội đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo hướng xanh và phát triển bền vững.

**CHƯƠNG III:
CÁC TIÊU CHÍ HƯỚNG ĐẾN
TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA
MỘT DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN
SẢN XUẤT KINH DOANH
TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP
CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO**

Tại chương này, Sổ tay sẽ đưa ra một số ví dụ về tiêu chí theo quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam được xếp vào là các tiêu chí xanh. Đồng thời, Sổ tay cũng cung cấp một số kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo của một số quốc gia, tổ chức trên thế giới về hệ thống các tiêu chí xanh đang được áp dụng nhằm cung cấp thêm thông tin toàn diện hơn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Nội dung cụ thể như sau:

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí “xanh”
<p>Nhóm tiêu chí về sản phẩm đầu ra:</p> <p>Sản xuất các sản phẩm chất lượng cao; sử dụng vật liệu mới, năng lượng mới.</p>	<p>Sản phẩm chất lượng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm doanh nghiệp đạt giải thưởng chất lượng quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận (Theo Thông tư số: 17/2011/TT-BKH-CN ngày 30/6/2011) Quy định về Giải thưởng chất lượng quốc gia thông tư số 07/2012/TT-BKH-CN sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 7 Thông tư số: 17/2011/TT-BKH-CN) <p>Sản phẩm có chứng nhận là hàng chất lượng cao của cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp. Ví dụ như chứng nhận chất lượng cao của hàng nông, lâm, thủy sản của Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Thiết bị, sản phẩm được dán nhãn Tiết kiệm năng lượng và các nhãn sinh thái khác. 	<p>Thông tư số 41/2013/TT-BTNMT ngày 02/12/2013 Quy định trình tự, thủ tục chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường.</p>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí “xanh”
	<p>Sử dụng vật liệu mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sản xuất các sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm mục tiêu của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 – 2020: “ Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới” do Bộ Khoa học và Công Nghệ ban hành. (Theo Quyết định số 586/QĐ-BKH-CN ngày 25/3/2016 v/v Phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 -2020: “ Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới”. 	<ul style="list-style-type: none"> Các dự án sản xuất linh kiện, thiết bị hoặc cơ sở hạ tầng dành riêng cho các lĩnh vực có thể tái tạo và tiết kiệm năng lượng. 	

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí “xanh”
	<p>Sử dụng năng lượng mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> Năng lượng mới, năng lượng tái tạo bao gồm năng lượng gió, thủy triều, sóng biển, địa nhiệt, mặt trời, sinh khối. 	<ul style="list-style-type: none"> Sản xuất các linh kiện, thiết bị phục vụ chuyển năng lượng mặt trời thành nhiệt năng và điện năng, phát triển các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp cho các hộ gia đình, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ 	
<p>Nhóm tiêu chí về Tính đổi mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động; chế tạo, sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao 	<p>Đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có thuyết minh/ chứng nhận việc đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động. Năng suất lao động được tính theo số sản phẩm bình quân trên 1 lao động trực tiếp sản xuất ra sản phẩm. 	<p>Mô hình Multilateral Development Banks (MDBs)- công nghiệp chế biến chế tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghiệp, thương mại và nhà ở hiện có để tăng hiệu suất năng lượng. 	

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí "xanh"
	<p>Chế tạo sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Được cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích do Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp hoặc có bằng sáng chế do các cơ quan có thẩm quyền tại các nước trên thế giới cấp trong 5 năm gần nhất. (Luật Sở hữu trí tuệ số 19/VBHN-VPQH ngày 18/12/2013). • Có thuyết minh, căn cứ chứng minh công nghệ tiên tiến lần đầu tiên được chuyển giao vào Việt Nam. (Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 định nghĩa công nghệ mới là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra tại Việt Nam) 	<p>Công nghệ chế biến giấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dự án đầu tư sử dụng các lò hơi có hiệu suất cao, phân bố hơi hợp lý giữa các lò sấy nhằm tận dụng nhiệt dư thừa, lắp biến tần, powerboss cho các động cơ hoạt động trong tình trạng non tải hay tải thường,... 	<p>Quyết định số 1419/QĐ-TTg ngày 7/9/2009 ban hành chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến 2020</p>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí "xanh"
	<ul style="list-style-type: none"> • Công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được khuyến khích đầu tư phát triển do Thủ tướng phê duyệt từng thời kỳ. (Quyết định Số: 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển và quyết định 13/2017/QĐ-Ttg sửa đổi, bổ sung QĐ 66/2014/QĐ-Ttg). • Có chứng nhận công nghệ cao do Văn phòng Chứng nhận hoạt động công nghệ cao thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp. • Có chứng nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao do các cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp. Ví dụ DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp cấp. 		

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí “xanh”
<p>Nhóm tiêu chí Môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Dự án, phương án sản xuất hoặc sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; 	<p>Sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm có nhãn năng lượng xác nhận hoặc nhãn năng lượng so sánh (5 sao) do Bộ Công Thương cấp theo Thông tư số 36/2016-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ Công Thương. Có thuyết minh/ chứng nhận sản phẩm có mức hiệu suất năng lượng cao hơn mức hiệu suất năng lượng tối thiểu. (mức hiệu suất năng lượng của sản phẩm được thử nghiệm bởi các tổ chức thử nghiệm nằm trong danh sách tổ chức được Bộ Công Thương chỉ định theo Thông tư số 36/2016-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ Công Thương). 	<ul style="list-style-type: none"> Sản xuất và sử dụng sản phẩm bao gói, túi xách thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy. <p>Mô hình của GFS (The Green Funds Scheme):</p> <ul style="list-style-type: none"> Liên quan đến việc xử lý nước thải với mục đích: <ol style="list-style-type: none"> Xử lý nước thải bằng các công nghệ độc đáo nhằm tạo ra một hệ thống nước khép kín trong phạm vi cơ sở, thay thế các hệ thống cấp nước không khép kín, trừ các công nghệ thông thường để cấp nước cho làm vườn. 	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 về Đề án Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020;

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí “xanh”
<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Đối với sản phẩm đã lưu thông trên thị trường: Sản phẩm được chứng nhận nhãn sinh thái (Nhãn xanh Việt Nam) do Tổng cục Môi trường chứng nhận. (Thông tư số 41/2013/TT-BTNMT ngày 2/2/2013 Quy định trình tự, thủ tục, chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường) 	<p>b. Xử lý nước thải bị ô nhiễm bởi các chất cần ưu tiên xử lý, sử dụng hệ thống làm giảm ít nhất 50% tỷ trọng của các chất này trong nước thải so với nước thải của nhà máy hiện có hoặc nhà máy dự kiến phải được thay.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định 965/QĐ-BTNMT ngày 23/4/2015 về Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2030

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí “xanh”
	<ul style="list-style-type: none"> Đối với sản phẩm mới chưa lưu thông trên thị trường: Sản phẩm có thuyết minh, chứng nhận đáp ứng các tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam theo quy định của Bộ TNMT và cam kết trong thời gian 12 tháng kể từ ngày dự án chính thức đi vào hoạt động phải được cấp chứng nhận nhãn sinh thái.(Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường định nghĩa Sản phẩm thân thiện môi trường là sản phẩm đáp ứng các tiêu chí nhãn sinh thái và được chứng nhận nhãn sinh thái). 		
	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm sử dụng trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ theo Phụ lục III danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ. (Ban hành kèm theo Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ) 		

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí "xanh"
	<p>Dự án, phương án sản xuất hoặc sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo phụ lục I: Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao (Ban hành kèm theo Nghị định số 120/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ 	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu và phát triển năng lượng tái tạo hoặc hiệu suất năng lượng công nghệ giảm nhẹ. <p>Xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học:</p> <ul style="list-style-type: none"> Công nghệ sinh học hiếu khí: Công nghệ xử lý nước thải bùn hoạt tính hiếu khí bể Aerotank; Công nghệ xử lý sinh học dạng mẻ (SBR); 	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định 4135/QĐ-BCT ngày 21/6/2013 phê duyệt các đề án thành phần thuộc chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020
	<ul style="list-style-type: none"> Dự án sản xuất hoặc sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch bao gồm: sóng biển, gió, sinh khối, mặt trời, thủy triều, địa nhiệt. 	<ul style="list-style-type: none"> Công nghệ sinh học tăng trưởng dính bám; Công nghệ lọc sinh học (Trickling Filter) Công nghệ sinh học kỵ khí: Công nghệ bể xử lý kỵ khí; Công nghệ sinh học kỵ khí UASB. 	

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí "xanh"
		<p>(ii) Xử lý cơ học (chấn rác, lọc, bể lắng..).</p> <p>(iii) Xử lý hóa học: thường dùng một số hóa chất có tính oxy hóa để phân hủy các chất ô nhiễm (chủ yếu là chất hữu cơ) thành CO₂ và nước. dùng phương pháp kết tủa các kim loại nặng trong nước; keo tụ- tạo bông- tuyển nổi..</p>	<ul style="list-style-type: none"> Thông Tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí "xanh"
	<p>Hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có thuyết minh/ chứng nhận hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững. Ví dụ: đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về năng lượng và phát thải do các cơ quan chức năng thẩm định, hoặc báo cáo của công ty kiểm toán năng lượng. 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm phát thải GHG do quá trình công nghiệp cải tiến và sản xuất sạch hơn (ví dụ như xi măng, hóa chất) Các dự án về công nghệ thu thập và lưu trữ cacbon ngăn ngừa sự phóng thích một lượng lớn CO2 vào khí quyển từ việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch và quá trình phát thải. Giám phát thải khí đốt hoặc khí mê-tan trong dầu và khí ngành công nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư 36/2015/Tt-BTNMT ngày 30/6/2015 Về Quản lý chất thải nguy hại do Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Áp dụng các định mức theo quy định hiện hành của Bộ Công Thương về định mức tiêu hao năng lượng.

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí “xanh”
<p>Nhóm tiêu chí Năng lực quản trị điều hành của doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Năng lực, kinh nghiệm quản trị điều hành của người quản lý doanh nghiệp</i> • <i>Lịch sử uy tín tín dụng của doanh nghiệp</i> 	<p>Năng lực, kinh nghiệm quản trị điều hành của người quản lý doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có ít nhất một thành viên của Ban giám đốc có 03 năm kinh nghiệm làm việc trở lên trong lĩnh vực có liên quan đến dự án đề xuất hoặc có 03 năm kinh nghiệm trở lên về quản lý doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> • 03 năm kinh nghiệm được xác minh bằng hợp đồng lao động, hoặc quyết định bổ nhiệm hoặc giấy xác nhận công tác, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp có thời gian hoạt động sản xuất kinh doanh trên 3 năm. • Ban giám đốc bao gồm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. 	

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí "xanh"
	<p>Lịch sử uy tín tín dụng của doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp không có nợ nhóm 2 trở lên trong 12 tháng gần nhất tính tới thời điểm xét duyệt hồ sơ và không có nợ nhóm 3 trở lên trong 36 tháng gần nhất tính tới thời điểm xét duyệt hồ sơ. 	<p>Thông tin CIC do Ngân hàng cung cấp</p>	
<p>Nhóm tiêu chí tạo việc làm và yếu tố về giới:</p> <ul style="list-style-type: none"> <i>Sản xuất kinh doanh tạo nhiều việc làm mới</i> <i>Sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động nữ</i> 	<p>Sản xuất kinh doanh tạo nhiều việc làm mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> Căn cứ thuyết minh, chi phí và tính hợp lý của dự án Số lượng việc làm là số lao động bình quân năm mà dự án sẽ tạo ra, được tính bằng số bình quân của số lao động ghi trên bảng thanh toán tiền lương, tiền công hàng tháng của Doanh nghiệp. 	<p>Các tiêu chí của Forest Stewardship Council (FSC):</p> <ul style="list-style-type: none"> DNNVV thúc đẩy bình đẳng giới trong các hoạt động tuyển dụng, đào tạo, ký kết hợp đồng, tham gia vào các hoạt động quản lý. 	

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí "xanh"
	<p>Sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động nữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Căn cứ thuyết minh và cam kết của chủ DN • DNNVV do phụ nữ làm chủ DN • Đạt trên 51% tỷ lệ lao động là nữ 	<p>Chống phân biệt đối xử và bình đẳng giới khi tuyển dụng lao động;</p>	

PHỤ LỤC 01
MẪU DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN
SXKD GẮN VỚI TIÊU CHÍ XANH,
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG
LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN,
CHẾ TẠO

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

1. GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ

Tên Doanh nghiệp	
Địa chỉ trụ sở chính	
Địa chỉ liên lạc	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã số DN)	
Giấy chứng nhận đầu tư số (Nếu có)	
Điện thoại/ Fax	
Email	
Website	
Vốn điều lệ	
Vốn chủ sở hữu năm tài chính gần nhất	
Hình thức sở hữu (Công ty TNHH, Công ty CP, DNTN)	
Ngành nghề kinh doanh chính	
Sản phẩm của DN đang sản xuất	
Người đại diện pháp luật	
Chức vụ	
Số CMND/ Hộ chiếu	
Điện thoại/ Thông tin liên lạc	
Kinh nghiệm làm việc của các thành viên Ban giám đốc	
(Tên thành viên Ban giám đốc/ Số năm kinh nghiệm)	
Lịch sử tín dụng DN (DN hiện đang có quan hệ tín dụng với ngân hàng nào? Có nợ xấu, nợ cần chú ý trong 3 năm gần nhất không?)	

2. MÔ TẢ SƠ BỘ DỰ ÁN

Tên dự án:

Địa điểm thực hiện dự án:

Quy mô dự án:

Tổng vốn đầu tư dự kiến:

Sản phẩm đầu ra:

Thời gian thực hiện:

Vòng đời dự án:

Những điểm nổi bật doanh nghiệp sẽ thu được từ dự án:

3. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

3.1. DN đánh giá chung về thực trạng thị trường sản phẩm đầu ra của dự án

3.2. Hiện trạng sản xuất của công ty (Áp dụng với các DN đang sản xuất)

3.3. Đánh giá thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đầu ra của dự án (Đánh giá tổng quan về nhu cầu sản phẩm của dự án, Đánh giá về cung sản phẩm, Thị trường mục tiêu và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án, Phương thức tiêu thụ và mạng lưới phân phối, Đánh giá, dự kiến khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án)

3.4. Đánh giá về nguồn cung nguyên vật liệu và yếu tố đầu vào

=> Nêu bật được sự cần thiết và tính khả thi của việc đầu tư lần này.

4. CƠ SỞ PHÁP LÝ DỰ ÁN

Nêu tên các văn bản quy phạm pháp luật tác động tới việc đầu tư dự án.

CHƯƠNG II: QUY MÔ DỰ ÁN

1. QUY MÔ DỰ ÁN

- Tổng diện tích khu đất:

DN nêu rõ diện tích của các hạng mục xây dựng

- Tổng diện tích xây dựng:

2. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT DỰ ÁN

2.1. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ, XÂY DỰNG

Chủ đầu tư nêu rõ tên các hạng mục xây dựng của dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Kết cấu

2.1.1. NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ, XÂY DỰNG

2.1.2. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ, XÂY DỰNG

(i) Giải pháp xây dựng

(ii) Các giải pháp cung ứng đầu vào

- Giải pháp cấp điện:
- Giải pháp cấp nước:
- Các biện pháp PCCC:
- Vệ sinh công nghiệp:

(iii) Các giải pháp xử lý môi trường

- DN chỉ rõ các nguồn gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, nguồn gây ồn... Đồng thời, DN đưa ra các biện pháp khống chế và giảm thiểu những tác động có hại phát sinh từ Dự án.
- Hoạt động sản xuất của Dự án có tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải

pháp bảo vệ môi trường bền vững không? (Nếu có, DN thuyết minh hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững; Nếu không, bỏ qua nội dung này)

2.2. GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ DỰ ÁN

2.2.1. CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

a/ Danh mục hệ thống máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển liên quan đến việc sản xuất hiện có:

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Xuất xứ	Đơn giá (chưa thuế)	Nguyên giá (chưa thuế)	Giá trị còn lại (chưa thuế)

b/ Danh mục hệ thống máy móc đầu tư thêm mới:

TT	Tên máy móc, thiết bị mới	Số lượng	Năm sản xuất/ Năm đưa vào sử dụng	Xuất xứ	Đơn giá (chưa thuế)	Nguyên giá (chưa thuế)	Giá trị còn lại (chưa thuế)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY

TT	Tên máy móc, thiết bị mới	Thông số kỹ thuật	Tình trạng

- Việc đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, máy móc lần này có làm tăng năng suất lao động không? (Nếu có, DN thuyết minh về việc đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Doanh nghiệp có được cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích do Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH và CN cấp hoặc có bằng sáng chế do các cơ quan có thẩm quyền tại các nước trên thế giới cấp trong 5 năm gần nhất không? (Nếu có, DN nêu tên và đơn vị cấp bằng; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Công nghệ của Dự án có phải công nghệ tiên tiến lần đầu tiên được chuyển giao vào Việt Nam? (Nếu có, DN thuyết minh hoặc căn cứ chứng minh; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Công nghệ của Dự án là công nghệ gì? Có thuộc Danh mục công nghệ cao được khuyến khích đầu tư phát triển do Thủ tướng phê duyệt từng thời kỳ hoặc có chứng nhận công nghệ cao do Văn phòng chứng nhận hoạt động công nghệ thuộc Bộ KH và CN cấp hoặc có chứng nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao do các cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp không? (Nếu có, DN nêu tên và đơn vị cấp chứng nhận; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Dự án, phương án SXKD có sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định số 120/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ) không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)

2.2.2. QUY TRÌNH SẢN XUẤT

DN cần nêu rõ các công đoạn sản xuất từ khâu chọn nguyên liệu đầu vào đến khâu thành phẩm cuối cùng các sản phẩm của dự án.

2.2.3. SẢN PHẨM DỰ ÁN

- Sản phẩm của dự án: DN nêu tên cụ thể các sản phẩm đầu ra của dự án
- Một số hình ảnh mạng tính minh họa cho sản phẩm của Công ty

- Sản phẩm dự án có đạt giải thưởng chất lượng quốc gia do bộ KH và CN chứng nhận không? (Nếu có, DN nêu tên giải thưởng/ năm đạt giải) hoặc sản phẩm dự án có chứng nhận là hàng chất lượng cao của cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Sản phẩm của dự án có nằm trong danh mục sản phẩm mục tiêu của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 – 2020: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới” do bộ KH và CN ban hành không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Sản phẩm dự án có phải là năng lượng mới, năng lượng tái tạo (năng lượng gió, thủy triều, sóng biển, địa nhiệt, mặt trời, sinh khối) không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Sản phẩm có nhãn năng lượng xác nhận hoặc nhãn năng lượng so sánh do Bộ Công Thương cấp không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Sản phẩm có đạt mức hiệu suất năng lượng cao hơn mức hiệu suất năng lượng tối thiểu không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Sản phẩm có phải là sản phẩm thân thiện với môi trường không (Sản phẩm được chứng nhận nhãn sinh thái - Nhãn xanh Việt Nam do Tổng cục Môi trường chứng nhận)? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Sản phẩm của Dự án có được sử dụng trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ theo “PHỤ LỤC III danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)

3. TIẾN ĐỘ DỰ ÁN

Doanh nghiệp nêu rõ tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện dự án đến giai đoạn dự án đi vào hoạt động).

4. HÌNH THỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Doanh nghiệp trực tiếp quản lý, thực hiện dự án hay thuê đơn vị thi công.

5. KHẢ NĂNG TẠO VIỆC LÀM VÀ YẾU TỐ VỀ GIỚI

- Dự án, phương án SXKD tạo thêm bao nhiêu việc làm?
- Tỷ lệ lao động nữ tăng thêm chiếm bao nhiêu % tổng số lao động tăng thêm?

CHƯƠNG III: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH

1. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Tổng vốn đầu tư của dự án bao gồm toàn bộ các khoản chi phí để thiết lập, xây dựng và tạo dựng các điều kiện cần thiết để đưa dự án vào hoạt động kinh doanh bình thường nhằm đạt được mục tiêu mà chủ dự án đề ra.

1.1. DỰ TOÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Đvt: triệu đồng

TT	Hạng mục	Số tiền	Ghi chú
1	Chi phí xây dựng		(1)
2	Chi phí thiết bị		(2)
3	Chi phí quản lý dự án		
4	Chi phí tư vấn dự án		
		
	TỔNG CỘNG		

Chi tiết (1), (2)

TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Khối lượng/số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ
1						
2						
3						

1.2. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Đvt: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Vốn tự có			
2	Vốn vay: + Ngắn hạn + Trung, dài hạn			
3	Vốn khác			
	TỔNG CỘNG			

2. DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ VỐN

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Lịch huy động vốn		
			Thời gian	Thời gian
1	Vốn tự có				
2	Vốn vay				
3	Vốn khác				
	TỔNG CỘNG				

3. DOANH THU DỰ ÁN

Dựa trên dự báo về thị trường của DN trong thời gian tới, DN dự kiến kế hoạch doanh thu hàng năm của dự án

Chỉ tiêu	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
Doanh thu					
-					
TỔNG CỘNG					

4. CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN HOẠT ĐỘNG

a) Kế hoạch trích khấu hao

- Phương pháp trích khấu hao:
- Thời gian trích khấu hao:
- Bảng tính khấu hao:

Đvt: triệu đồng

TT	Danh mục tài sản cố định	Nguyên giá	Thời gian khấu hao	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
1								
2								
3								
4								
	TỔNG CỘNG							

b) Chi phí hoạt động

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
A	Chi phí nguyên nhiên vật liệu					
B	Chi phí khấu hao					
C	Chi phí tiền lương					
D	Chi phí lãi vay					
E	Chi phí bán hàng + chi phí quản lý (trừ chi phí lương)					
G	Chi phí sản xuất chung					
	TỔNG CHI PHÍ					

5. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

5.1. BÁO CÁO DÒNG TIỀN

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
1	Dòng tiền vào					
	Doanh thu bán hàng					
	Tổng lưu chuyển tiền tệ vào					
	Hiện giá dòng tiền vào, chiết khấu 10%					
2	Dòng tiền ra					
	Đầu tư ban đầu					
	Chi phí hoạt động					
	Thay đổi hàng tồn kho					
	Tổng lưu chuyển tiền tệ ra					
	Hiện giá dòng tiền ra, chiết khấu 10%					
	Dòng tiền ròng trước thuế					
	Dòng tiền ròng trước thuế, chiết khấu 10%					
	(-) thuế TNDN					
	Dòng tiền ròng (sau thuế)					

5.2. CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

TT	Chỉ số	Điều kiện	Ghi chú
1	NPV	> 0	
2	IRR	$> \text{LSCK}$	
3	Thời gian hoàn vốn		

CHƯƠNG IV: KẾ HOẠCH VAY TRẢ NỢ, PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI

1. KẾ HOẠCH VAY TRẢ NỢ

- Tổng mức vay:
- Thời gian vay:
- Kế hoạch trả nợ gốc: trả theo quý/ theo tháng/ khác...
- Lãi vay: trả theo quý/ theo tháng/ khác...
- Tài sản đảm bảo nợ vay:
- Kế hoạch vay vốn:

	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm...	Năm n
Tổng vốn vay					
Lãi suất (%/năm)					
Nợ đầu năm					
+ Lãi phát sinh trong kỳ					
+ Nợ gốc + lãi tích lũy trong kỳ					
+ Thanh toán lãi					
+ Thanh toán nợ gốc					
Nợ cuối năm					
NGUỒN TRẢ NỢ					
Khấu hao					
Lợi nhuận ròng					
CHÉNH LỆCH					

- Lịch trả nợ vay:

Đvt: triệu đồng

Năm	Số dư đầu kỳ nợ gốc	Trả lãi	Trả gốc	Số tiền phải trả	Số dư Nợ gốc cuối kỳ

- Cân đối nguồn tiền trả nợ vay

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
1	Nguồn trả nợ					
	Khấu hao					
	Lợi nhuận ròng					
2	Trả nợ					
	Nợ gốc					
	Lãi vay					
3	Chênh lệch (1)-(2)					
4	Lũy kế					

2. HIỆU QUẢ KINH TẾ

Hiệu quả kinh tế: ước tính được bằng số lượng, hoặc bằng tiền.

3. LỢI ÍCH XÃ HỘI

Các lợi ích xã hội từ dự án (Ví dụ: xóa đói giảm nghèo; nâng cao dân trí; giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động trong đó tỷ lệ bao nhiêu lao động nữ; lao động người khuyết tật (nếu có); mức thu nhập tăng thế nào so với trước khi thực hiện dự án).

CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

- Nêu rõ những mặt thuận lợi và trở ngại cho việc thực hiện dự án;
- Khẳng định tính ưu điểm và tính khả thi của dự án.

2. KIẾN NGHỊ

Các kiến nghị về việc chấp nhận đầu tư, về việc xin vay vốn cần ngắn gọn, rõ ràng.

....., ngày thángnăm.....

CHỦ ĐẦU TƯ

Ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu



QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (SMEDF)

Phòng 301, Nhà F, Trụ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
số 6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

ĐT: 0243.7957855 - 0243.7957897

(số máy lẻ hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp: 204 và 205)

Email doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Quỹ: callcenter.smedf@gmail.com

Email: smedf1@mpi.gov.vn

Fax: 04 37512222

Website: www.smedf.gov.vn hoặc smedf.gov.vn